

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 132/2026/HS-PT
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 260/2025/TLPT-HS ngày 05/11/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2025/HSST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 543A/2026/QĐXXPT-HS ngày 19/3/2026 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

1. *Bị cáo:* Nguyễn Thị D1, sinh ngày 31 tháng 3 năm 1976 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai); căn cước công dân: 0341 7602 1609 do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 21/01/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị O; có chồng là Vũ Duy T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt.

2. *Bị cáo:* Trần Đình Q1, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1994 tại thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội (nay là xã S, thành phố Hà Nội), không có nơi ở cố định; căn cước công dân: 0010 9400 1721 do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 13/5/2020; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình K và bà Như Thị T1; có vợ là Đặng Thị H và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt.

3. *Bị cáo:* Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2002 tại thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn Y, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội); căn cước công dân: 0012 0202 6122 do Cục CSQLHS về TTXH cấp

ngày 01/02/2024; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T3 và bà Nguyễn Thị H1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt.

4. *Bị cáo:* Trần V, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2002 tại tỉnh Bạc Liêu; Nơi thường trú: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau), không có nơi ở cố định; căn cước công dân: 0952 0200 1221 do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 24/2/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh V1 và bà Đinh Thị T4; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 07/12/2022, bị đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 12/QĐ-TA ngày 13/01/2023, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Ngày 13/9/2023, chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt.

5. *Bị cáo:* Trương Trọng T5, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2003 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi thường trú: Tổ B, Ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là Đặc khu P, tỉnh An Giang), Không có nơi ở cố định; căn cước công dân: 0912 0301 5490 do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 16/02/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 28/12/2022, bị đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 36/QĐ-TA ngày 08/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Ngày 12/10/2023, chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2024 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G. Có mặt.

6. *Bị cáo:* Đào Quang A, sinh ngày 04 tháng 2 năm 1990 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Tổ A, khu L, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường N, tỉnh Phú Thọ); căn cước công dân: 0250 9000 6723 do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 01/4/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy V2; có vợ là Tống Thị H2 (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/02/2025 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt.

7. *Bị cáo:* Mạc Liên Đ1, sinh ngày 14 tháng 02 năm 1986 tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai); căn cước công dân: 0300 8600 7643723 do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 21/01/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Hồng C và bà Trần Thị L; có vợ là Phạm Thị P1 (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án,

tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/02/2025 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần V và Nguyễn Hữu T2: Luật sư Đặng Văn T6, thuộc Văn phòng L2, đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: A L, phường D, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Trọng T5: Luật sư Lê Văn T7, thuộc Văn phòng L3, đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: A L, phường D, tỉnh G, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Đào Quang A, Trần Đình Q1 và Nguyễn Thị D1: Luật sư Trương Văn V3, thuộc Văn phòng L4, đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: A Đ, phường D, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Bị hại: ông Đào Văn T8, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố số H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Võ Đình D2, thuộc Văn phòng L5, đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị D1 vay mượn tiền của anh Đào Văn T8 (sinh năm 1981, trú tại số A đường W, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) để đầu tư, anh T8 nhiều lần đòi nợ nhưng D1 chưa trả. D1 có quen biết với Nguyễn Trọng Đ2 (sinh năm 1986; trú: Tổ A, Khu B H, Tp ., Quảng Ninh), Đ2 biết T8 đòi nợ D1 nên giới thiệu để Đào Văn D3 (sinh năm 1987, trú tại T Đường, T, thành phố Hải Phòng) đứng ra dàn xếp giải quyết nợ giữa D1 và T8.

Do đang nợ xấu Ngân hàng, D1 cần người đứng tên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bìa đỏ) để làm thủ tục thế chấp vay tiền Ngân hàng nên D3 giới thiệu Trần Đình Q1 đến gặp D1 và hai bên thống nhất Q1 sẽ tìm người đứng tên B đỏ để D1 làm thủ tục thế chấp vay tiền và D1 sẽ trả 10 triệu đồng cho mỗi hợp đồng. Sau đó, Q1 đã giới thiệu và gửi ảnh Căn cước công dân của Trương Trọng T5, Trần Văn P2, Trần V qua mạng xã hội Zalo cho D1 như thỏa thuận. Do Đào Văn D3 không dàn xếp được việc giãn nợ với Đào Văn T8 nên cuối tháng 5/2024, Nguyễn Thị D1 nhờ Trần Đình Q1 nói chuyện với anh T8 giúp D1 giãn nợ khoảng 02 tháng nhưng không để D3 biết, nếu giúp được D1 sẽ trả công số tiền 200 triệu đồng, Q1 đồng ý.

Ngày 28/5/2024, Trần Đình Q1 từ Đ về thành phố R, tỉnh Kiên Giang để trả xe ô tô đã thuê trước đó, trên đường đi Q1 gọi điện thoại cho Nguyễn Thị D1 nói “chị ứng cho em hai mươi triệu tiền đi đường, em cho mấy đứa lên xử lý việc giãn nợ giúp chị”, D1 đồng ý. Cùng ngày, D1 dùng tài khoản số 2848999999 (ngân hàng V7) chuyển khoản số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến tài khoản số 9984251070 (ngân hàng V7) của Q1. Sau đó, Q1 gọi điện thoại cho Đào Quang A để Anh tìm người cùng đi Gia Lai xử lý việc giãn nợ cho D1. Quang A gọi điện thoại rủ Trần Văn P2 đi cùng. Còn Q1 gọi điện thoại rủ Nguyễn Hữu T2

thì P2 và T2 đồng ý. Ngày 05/6/2024, Trần Đình Q1 đã chuyển khoản cho Đào Quang A và Nguyễn Hữu T2 mỗi người 2.000.000đồng để chi phí đi đường.

Ngày 06/6/2024, Trần Đình Q1 gặp anh Lê Hoàng T9 là Giám đốc Công ty TNHH D5 thuê chiếc xe ô tô Toyota Fortuner (BKS: 68A-065.24) do anh Quách Văn T10 (sinh năm 1974; trú tại D T, khu phố G, Phường A, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang) là chủ sở hữu dùng làm phương tiện đi lại. Ngày 07/6/2024, Trần Đình Q1 và Trần Văn P2 đi xe ô tô (BKS: 68A-065.24) từ thành phố R, tỉnh Kiên Giang đến huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Còn Đào Quang A đi xe khách từ N và Nguyễn Hữu T2 cũng đi xe khách từ Hà Nội đến huyện Đ. Trước đó, Trương Trọng T5 và Trần V đã đến huyện Đ để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay vốn ngân hàng cho Nguyễn Thị D1. Sau đó, Trần Đình Q1, Trần Văn P2, Đào Quang A, Nguyễn Hữu T2, Trương Trọng T5 và Trần V đến lưu trú ở nhà nghỉ N tại thị trấn Đ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Q1 đi một mình đến nhà D1 nói chuyện, nghe D1 nói: “Em cố gắng giúp chị giãn nợ được 01 đến 02 tháng nữa thì tốt”, Q1 đồng ý và trả lời: “ok, bọn em cố gắng xử lý sớm nhất có thể cho chị”, hai bên thống nhất tiền công giúp D1 giãn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). D1 đưa cho Q1 thông tin địa chỉ nhà, biển kiểm soát xe ô tô bán tải, số điện thoại và hình ảnh của Đào Văn T8 qua Zalo cho Q1. Sau đó, Q1 và cả nhóm chia nhau tìm kiếm nhưng không gặp được T8.

Do ở nhà nghỉ tốn nhiều chi phí nên ngày 09/6/2024, Q1 nói D1 tìm chỗ ở mới cho cả nhóm, D1 dẫn nhóm Q1 đến ở tại một căn nhà cũ đã bỏ hoang tại Làng T, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (là nhà D1 đã bán lại cho một người khác ở Đ) và nói nhóm Q1 đến nhà D1 lấy chăn mền, tủ, giường để sử dụng. Trong khoảng thời gian này, T8 vẫn liên tục yêu cầu D1 phải trả tiền nợ.

Vào một buổi tối trong tháng 6/2024 (không xác định ngày), D1 hẹn nhóm Q1 đến lô cao su gần khu TNR (khu đất giao cho Công ty B1 thuộc thị trấn Đ) nên Q1 điều khiển xe ô tô (BKS: 68A- 065.24) chở Trần V, Trương Trọng T5, Nguyễn Hữu T2, Đào Quang A và Trần Văn P2 đến gặp D1. Tại đây, D1 nói: “Thằng T8 dí chị quá rồi, bây giờ làm cách nào mình xử lý, mình chém dần mặt nó để nó khỏi đòi nợ chị nữa”, Q1 trả lời: “Chị để đấy để bọn em tính toán, xử lý, để xem có gặp nó để nói chuyện trước được không đã” rồi cả hai bên ra về. Sau khi nghe D1 nói chém dần mặt T8, Quang A đã đặt mua 01 (một) bộ biển số giả 61A-379.79 trên mạng với giá tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) để lắp chồng lên biển số xe 68A-065.24, tránh bị Công an phát hiện khi chém T8. Thời gian sau đó, nhóm Q1 vẫn chưa tìm gặp được T8 nên Q1 nói với D1: “Em đi cái xe ô tô đen của em tốn xăng quá; chị thuê cho em cái xe nào ít tốn xăng để bên em sử dụng”. Ngày 16/6/2024, Nguyễn Thị D1 gọi điện thoại cho anh Cao Thiên V4 (là nhân viên A1) thuê một xe ô tô và yêu cầu mang xe đến nhà D1. Anh V4 đã cùng anh Lương Duy T11 (SN: 1989, trú tại: tổ A, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, là chủ xe) điều khiển xe ô tô (BKS: 81A-198.64, màu vàng nhãn hiệu MG) đến nhà D1 để cho thuê xe với số tiền 900.000đ/ngày. D1 nói với V4 và T11 đi ra khu TNR để giao xe, rồi gọi điện thoại báo cho Q1 cùng đến nhận xe. Q1 đã điều khiển xe ô tô (BKS: 68A-065.24) chở Quang A, V và T2 đến. Tại đây, Đào Quang A đã

đứng tên ký hợp đồng thuê xe với anh T11; còn D1 trả 15.000.000đ tiền cọc thuê xe cho anh T11. Sau đó, nhóm của Q1 lấy xe ô tô (BKS: 81A-198.64) để sử dụng.

Sau đó, Quang A điều khiển xe ô tô chở T2 và V đến chợ Đ5 mua thêm hai con dao phát, rồi lấy thêm một con dao (có sẵn tại chỗ ở) để sẵn trong xe ô tô (BKS: 68A-065.24) sử dụng đi tìm T8 giải quyết nợ cho D1.

Ngày 26/6/2024, Nguyễn Văn M (bạn của V) cũng đến tham gia cùng với nhóm Q1. Sau nhiều lần thay nhau điều khiển hai xe ô tô đi tìm T8 để giải quyết nợ cho D1 nhưng không gặp được T8. Trong khi Trần Đình Q1 cùng Trần V, Trương Trọng T5, Nguyễn Hữu T2, Đào Quang A, Trần Văn P2 và M uống rượu tại căn nhà ở xã G, Q1 nói với cả nhóm: “Chắc phải tìm chém thằng T8 dần mặt”, cả bọn đồng ý.

Đến sáng ngày 30/6/2024, Trần Văn P2 nói với Q1 “Mua cho tao cái xe máy để tao đi kiếm thằng T8 cho dễ”. Q1 cùng P2, Quang A, T2, V điều khiển xe ô tô (BKS: 81A- 198.64) đến tiệm mua bán xe mô tô cũ của anh Đào Minh T12 (sinh năm 1979, trú: TDP8, thị trấn Đ) mua 01 (một) xe mô tô Wave (BKS: 47M5-0310) với giá 4.000.000đồng. Khi được Q1 yêu cầu, D1 đã chuyển khoản cho Quân số tiền 4.000.000 đồng để trả cho anh T12.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi Đào Văn D3 đang ở nhà Nguyễn Thị D1 thì anh Đào Văn T8 gọi điện thoại hẹn D3 đến quán C2 tại TDP H, thị trấn Đ nói chuyện giải quyết nợ giữa T8 và D1. D3 mượn xe mô tô (BKS: 35F3-8624) của gia đình D1 đến quán C2 ngồi uống cà phê nói chuyện cùng T8 và Phạm Văn T13. D1 biết anh T8 đã về thị trấn Đ nên gọi điện thoại cho Trần Đình Q1 thông báo “Thằng T8 về Đ gặp thằng D3, về đến nơi rồi”. Lúc này, Q1 đang điều khiển xe ô tô (BKS: 81A-198.64) trên đường đi thành phố P nên gọi điện thoại cho Đào Quang A nói: “Bà D1 báo thằng T8 sắp về đến nơi rồi, anh em qua coi đi”. Nghe vậy, Quang A thông báo cho P2, T5, V, T2, M đang ở căn nhà tại xã G biết, thì T5 điều khiển xe mô tô (BKS: 47M5-0310) chở P2 đi trước mục đích đến chợ thị trấn Đ5 để mua dao làm hung khí. Sau đó, Quang A điều khiển xe ô tô (BKS: 68A-065.24) đã gắn chồng biển số giả 61A-379.79 chở V, M, T2 cùng hung khí (02 con dao tự chế và 02 con dao phát) để ở băng ghế sau xe đi ra thị trấn Đ tìm chém T8, trên đường đi Quang A gọi điện thoại hẹn gặp P2 và T5 ở lô cao su gần khu TNR. Sau khi P2 mua được 01 dao Thái Lan, T5 điều khiển xe chở P2 đi theo đường T ra khu TNR thì cả hai thấy xe ô tô của T8 đậu ở trước quán C2. Khi gặp nhóm Quang A, P2 nói T5 lên xe ô tô đi cùng, còn P2 một mình điều khiển xe mô tô đi trước, còn Quang A điều khiển xe ô tô chở cả nhóm theo sau P2. Đến quán cà phê Á Mặt trời, P2 dừng xe ở sân quán rồi đi bộ đến bàn của anh T8 đang ngồi, P2 rút dao Thái Lan ra đâm anh T8 nhưng không trúng người. Ngay lúc đó, anh T8 đứng dậy quay người bỏ chạy ra sân quán thì V cầm 01 (một) con dao tự chế (dài 110cm), T2 cầm 01 (một) con dao phát (dài 62cm), T5 cầm 01 (một) dao tự chế (dài khoảng 01m) và M cầm 01 (một) con dao phát (dài 111cm) từ trên xe ô tô xuống xe chạy vào sân đuổi chém. Anh T8 bỏ chạy hướng vào trong nhà của chủ quán để trốn thì bị T5 cầm dao tự chế chém 01 (một) nhát trúng hông bên phải, T2 cầm dao phát chém 01 (một) nhát trúng vào lưng của anh T8. Bị chém trúng anh T8 chạy vào khu vực nhà ở của quán thì V tiếp tục cầm dao tự chế chém

nhưng trúng tay cầm cửa làm lưỡi dao bị rơi ra khỏi cán dao. Anh T8 chạy vào trong phòng khách thì T2 tiếp tục cầm dao phát đuổi theo để chém. Khi anh T8 chạy vào phòng ngủ đóng cửa lại thì T2 đập bung cánh cửa ra làm anh T8 ngã xuống nền nhà, T2 vung dao chém liên tiếp nhiều nhát vào hai chân, anh T8 đưa tay phải lên đỡ thì bị T2 chém trúng hai nhát. Lúc này, Quang A ở ngoài bấm còi xe ô tô báo hiệu nên V, M, T5, T2, P2 không chém T8 nữa và bỏ chạy ra xe để tẩu thoát. Quang A điều khiển xe ô tô chở cả nhóm bỏ chạy về hướng Tp . rồi vào xã A, huyện Đ. Còn P2 điều khiển xe mô tô chạy về xã G, huyện Đ. Thấy anh T8 bị chém gây thương tích, D3 và T13 cùng anh Nguyễn Thành D4 đưa đến Trung tâm y tế huyện Đ sơ cứu vết thương rồi tiếp tục chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh G để cấp cứu.

Trên đường tẩu thoát nhóm Đào Quang A đã tháo vớt biển số xe ô tô giả 61A-379.79 và 04 (bốn) con dao vào một vườn cà phê dọc đường rồi gọi điện thoại báo cho Trần Đình Q1 “Tụi tôi chém thằng T8 rồi, ông về đi, ghé nhà đón thằng P2 luôn”. Sau đó, Q1 điều khiển xe ô tô về căn nhà ở xã G đón Trần Văn P2 đi gặp nhóm Quang A, nghe Quang A nói: “Ông đổi cho tôi cái xe vàng, tụi tôi trốn đã rồi tính tiếp” nên Q1 đã chuyển khoản cho Quang A số tiền 8.000.000 đồng để bỏ trốn. Sau đó, Quang A điều khiển xe ô tô (BKS: 81A-198.64) chở P2, M và T5 cùng bỏ trốn đi thành phố B. Quang A chuyển khoản cho T5 số tiền là 4.000.000 đồng để T5 và M có tiền chi tiêu bỏ trốn; còn Quang A và P2 đi gửi xe ô tô ở khu vực giữ xe của Bệnh viện thành phố Buôn Mê T14 rồi gọi điện báo để Q1 qua lấy xe trả lại cho chủ xe rồi trốn thoát.

Cùng trong đêm ngày 30/6/2024, Trần Đình Q1 cũng điều khiển xe ô tô (BKS: 68A-065.24) đến giấu xe tại lô cao su ở xã A, huyện Đ rồi gọi điện thoại và gửi vị trí để D1 vào đón Q1, V, T2. Trước khi lên xe, Q1 nói T2 bí mật ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa nhóm Q1 và D1. Khi D1 điều khiển xe ô tô (BKS: 81A-347.97) đến đón nhóm Q1 đi ra thị trấn Đ, trên đường đi D1 nói với nhóm Q1 “Thằng kia bị vậy chị sợ quá”, nghe vậy Q1 nói “Tụi nó đeo khẩu trang, mặc áo dài tay, đi xe gắn biển số giả 61-379.79, nên không sao đâu chị”. D1 chở nhóm Q1 đến thị trấn Đ gặp Mạc Liên Đ1, Q1 gửi chìa khóa xe ô tô (BKS: 68A-065.24) và nhờ Đoán giữ hộ xe. Lúc này, D1 nói Đ1 điều khiển xe ô tô chở D1 và nhóm Q1 đến gần quán C3 đường P, Tp ., tỉnh Gia Lai để Q1, V, T2 xuống xe. D1 đã chuyển vào tài khoản của Mạc Liên Đ1 số tiền 15.000.000 đồng, nhờ Đ1 chuyển đến tài khoản của Quân số tiền này để nhóm Q1 có chi phí bỏ trốn. Sau đó, nhóm Q1 đến phòng trọ của Nguyễn Thị Mỹ L1 (sinh năm 2003, trú tại: Ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, là bạn gái Q1) và Lê Thị Mộng T15 (sinh năm 2003, trú tại: Ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, là bạn gái T2) rồi cả nhóm đón xe đi thành phố Q, tỉnh Bình Định ngay trong đêm. Khi đến thành phố Q, Q1 tiếp tục đón xe để cả nhóm đi thành phố B lấy chiếc xe ô tô (BKS: 81A-198.64) do nhóm Quang A để lại.

Sau khi quay về, Mạc Liên Đ1 điều khiển xe chở Nguyễn Thị D1 đến nhà bà Đặng Thị Đ3 (sinh 1956, trú tại: xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai). D1 nhờ bà Đ3, Hoàng V6 (sinh năm 1996) và Trần Minh P3 (sinh năm 1978, trú tại: Thôn E, thị trấn Đ, huyện Đ) đều là con trai của bà Đ3 đến dọn dẹp đồ đạc trong nhà ở xã G,

huyện Đ. D1 đã cho V6 chiếc xe mô tô (BKS: 47M5-0310) để đi làm rẫy. Sau đó, Đ1 đến vị trí mà Q1 đã cất giấu xe ô tô, rồi điều khiển chiếc xe ô tô (BKS: 68A-065.24) mang đến nhà bà Đ3 để D1 gửi nhờ giữ gìn.

Đến ngày 04/7/2024, Trần Đình Q1 gọi điện thoại qua Z nhờ D1 thuê một xe ô tô khác để đổi chiếc xe ô tô (BKS: 68A-065.24), D1 gọi điện cho Cao Thiên V4 (dịch vụ cho thuê xe) để thuê xe ô tô (BKS: 81A- 28319) rồi nhờ Mạc Liên Đ1 đứng tên ký hợp đồng thuê xe mới cho Q1. Sau đó, Đ1 cùng anh Lương Duy T11 (là chủ xe) đi đến cầu A Quốc lộ A, giáp ranh giữa tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk để Q1 nhận xe ô tô (BKS: 81A- 28319) và trả lại chiếc xe ô tô (BKS: 81A-198.64) cho anh T11. Sau khi nhận xe, Q1 điều khiển xe ô tô (BKS: 81A- 28319) chở V, T2, L1 và T15 đi tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 06/7/2024, Trần Đình Q1 cùng cả nhóm quay lại thị trấn C thuê phòng nghỉ, còn Q1 liên lạc qua Z hẹn D1 đến ngã 4 B, Tp . gặp Q1 để lấy xe ô tô (BKS: 81A- 28319) trả cho chủ xe. Sau đó, D1 điều khiển xe ô tô (BKS: 81A-347.97) chở Q1 đến xã K để lấy lại chiếc xe ô tô (BKS: 68A-065.24) rồi Q1 đến khu D, tỉnh Kon Tum gặp nhóm V, T2, L1, T15.

Từ ngày 01/7/2024 đến ngày 07/7/2024, Nguyễn Thị D1 đã nhiều lần sử dụng tài khoản ngân hàng số: 2848999999 (ngân hàng V7) chuyển tổng số tiền 44.100.000đ đến tài khoản ngân hàng của Q1 và Nguyễn Thị Mỹ L1) để Trần Đình Q1 sử dụng chi tiêu khi bỏ trốn.

Trong các ngày 7 và 8 tháng 7 năm 2024 và ngày 13/7/2024, Trần Đình Q1, Nguyễn Hữu T2, Trần V, Nguyễn Thị D1 và Trương Trọng T5 đã đến Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và Công an huyện Đ đầu thú.

Tại Kết luận giám định số 343/KLTTCT-TTPY ngày 24/7/2024, Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận về thương tích của bị hại Đào Văn T8 :

1. Các kết quả chính: - 01 vết thương phần mềm nằm dọc theo cơ thắt lưng bên phải: 2%; - 01 vết thương phần mềm nằm xiên ngoài cơ thắt lưng bên phải khoảng đốt sống D9: 2%; - 01 vết thương phần mềm nằm xiên mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay phải: 2%; - 01 vết thương phần mềm nằm xiên mặt ngoài 1/3 trên cẳng tay phải: 2%; - 01 vết thương phần mềm vùng thắt lưng mông phải: 1%; - 01 vết thương phần mềm nằm dọc mặt ngoài 1/3 trên đùi phải: 2%; - 01 vết thương phần mềm mặt ngoài sau khớp gối phải: 1%; - 01 vết thương phần mềm nằm xiên mặt trước ngoài 1/3 giữa cẳng chân phải: 2%; - 01 vết thương phần mềm + vết mổ nằm dọc theo mu bàn chân phải: 2%; - 01 vết mổ nằm dọc bờ trên khớp gối trái: 2%; - 01 vết thương phần mềm hình bán nguyệt mặt trước gối trái: 2%; - Vết thương gối trái gây gãy lồi cầu ngoài đùi trái: 11%; - Vết thương mu bàn chân phải gây đứt động mạch mu bàn chân phải, sau khâu nối không có biểu hiện gây thiếu máu bàn chân phải: 4%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đào Văn T8 tại thời điểm giám định là: 30% (Ba mươi phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Tại thời điểm giám định các tổn thương vùng khớp gối

trái đang trong thời gian điều trị ngày thứ 13, còn đau tức nhiều nên chưa thể đánh giá được di chứng.

Ngày 10/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã trưng cầu giám định bổ sung, qua giám định tại Kết luận giám định số 477/KLTTCT-TTPY ngày 28/10/2024, Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đào Văn T8 qua 02 lần giám định là 51%.

Về dân sự: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã nhiều lần làm việc với bị hại Đào Văn T8 có sự tham gia của luật sư Đào Hoàng P4 về yêu cầu bồi thường dân sự trong vụ án, nhưng anh T8 không cung cấp. Ngày 21/3/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G tiếp tục có văn bản số 2004/YC-CSHS yêu cầu anh Đào Văn T8 cung cấp các tài liệu, chứng từ có liên quan đến việc bồi thường về dân sự trong vụ án, đến nay anh T8 vẫn chưa có đơn yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại phiên toà sơ thẩm bị hại Đào Văn T8 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng cộng 803.800.000 đồng gồm: Chi phí đi lại và điều trị tại các bệnh viện 450.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập ngày công lao động của bị hại 05 tháng là 150 ngày x 300.000đ = 45.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập ngày công lao động của người chăm sóc 05 tháng là 150 ngày x 300.000đ = 45.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 70 tháng lương x 2.340.000đ = 163.800.000đ; tiền nuôi con nhỏ đến khi 18 tuổi 100.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 131/2025/HSST ngày 25/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D1, Trần Đình Q1, Nguyễn Hữu T2, Trần V, Trương Trọng T5 và Đào Quang A phạm tội “Giết người” và bị cáo Mạc Liên Đ1 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Q1 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

- Áp dụng điểm m, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trương Trọng T5 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trần V 10 (M1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

- Áp dụng điểm m, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Quang A 09 (C1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/2/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mạc Liên Đ1 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/2/2025.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị hại Đào Văn T8 kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt với các bị cáo Nguyễn Thị D1, Trần Đình Q1, Nguyễn Hữu T2, Trần V, Trương Trọng T16, Đào Quang A, Mạc Liên Đ1; yêu cầu xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự với bị cáo D1 về “Tội cướp tài sản” vì mục đích D1 thuê đồng bọn giết bị hại nhằm chiếm đoạt số tiền Duyên đã vay anh T8 trước đó; không thống nhất việc cấp sơ thẩm tách phần trách nhiệm dân sự ra giải quyết riêng khi có yêu cầu mà yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết luôn trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại Đào Văn T8 giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là do mâu thuẫn với anh Đào Văn T8 trong giải quyết tiền vay mượn, Nguyễn Thị D1 đã thuê Trần Đình Q1 chém dần mặt anh Đào Văn T8 nhằm mục đích giảm sức ép đòi nợ và giãn thời gian trả nợ. Được D1 thuê, Q1 rủ Trần V, Nguyễn Hữu T2, Trương Trọng T5, Đào Quang A, Trần Văn P2 và Nguyễn Văn M đi tìm anh T8 nhiều ngày nhưng không gặp. Ngày 30/6/2024, khi được Nguyễn Thị D1 báo anh T8 đang có mặt quán C2 thuộc Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và theo yêu cầu của D1 thì Trần Đình Q1 đã thông báo để Đào Quang A dùng xe ô tô hiệu Fortuner gắn biển kiểm soát giả 61A-379.79 chở Nguyễn Hữu T2, Trương Trọng T5, Trần V và Nguyễn Văn M, còn Trần Văn P2 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 47M5-0310 mang theo dao Thái Lan, dao phát, rựa xông vào quán đuổi đâm, chém nhiều nhát vào người anh Đào Văn T8. Trong đó, P2 dùng dao đâm anh T8 nhưng không trúng, T8 bỏ chạy thì P2 cầm dao đuổi theo, cùng lúc T2, V, T5 và M mỗi người cầm một dao phát, rựa xông vào quán đuổi theo, T5 chém trúng vào vùng hông, anh T8 tiếp tục chạy thì bị T2 chém trúng vào vùng lưng; khi anh T8 chạy vào nhà quán, đến cửa thì bị V chém nhưng trúng cửa sắt làm lưỡi dao bị tuột khỏi cán. Anh T8 chạy

vào phòng ngủ đóng cửa thì bị T5 giật cánh cửa, còn T2 đập mạnh cánh cửa làm anh T8 ngã ra nền nhà, T2 dùng dao chém nhiều nhát từ trên xuống, anh T8 đỡ tay lên đỡ và dùng chân đập nên T2 tiếp tục chém nhiều nhát thì trúng vào tay, chân anh T8. Sau khi các bị cáo nêu trên gây án thì Mạc Liên Đ1 điều khiển ô tô chở Nguyễn Thị D1 đi trốn, giúp nhóm D1, Q1 cất giấu xe ô tô cả bọn đã sử dụng làm phương tiện đi gây án và đứng tên Hợp đồng thuê giúp xe ô tô cho Q1 sử dụng chở đồng bọn đi trốn.

Kết luận giám định số 343/KLTTCT-TTPY ngày 24/7/2024 và Kết luận giám định số 477/KLTTCT-TTPY ngày 28/10/2024 Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận anh Đ4 vẫn T8 bị tổn thương cơ thể qua 02 lần giám định là 51%. Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên nên Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố Nguyễn Thị D1, Trần Đình Q1 phạm vào “Tội giết người” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; tuyên bố Nguyễn Hữu T2, Trần V, Trương Trọng T5 và Đào Quang A phạm vào “Tội giết người” quy định tại các điểm m, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tuyên bố Mạc Liên Đ1 phạm vào “Tội che giấu tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ cũng như nhân thân của từng bị cáo để phân hóa, quyết định hình phạt tương xứng. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã cân nhắc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt đối với các bị cáo phạm “Tội giết người” nên xử phạt 13 năm tù đối với các bị cáo Trần Đình Q1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Hữu T2; 12 năm tù với bị cáo Trương Trọng T5; 10 năm tù với bị cáo Trần V; 09 năm tù với bị cáo Đào Quang A cùng về “Tội giết người” và 18 tháng tù với bị cáo Mạc Liên Đ1 về “Tội che giấu tội phạm” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo đã thực hiện, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung nên xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp, từ đó không chấp nhận kháng cáo của bị hại về đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Đối với nội dung kháng cáo của bị hại đề nghị xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự với bị cáo Nguyễn Thị D1 về “Tội cướp tài sản” xét thấy bị cáo D1 thuê bị cáo Q1 tập hợp nhân lực, chuẩn bị hung khí, tổ chức tìm kiếm bị hại để đánh nhằm mục đích giảm sức ép đòi nợ và giãn thời gian trả nợ. Không đủ cơ sở để chứng minh bị cáo D1 có ý thức mong muốn chiếm đoạt số tiền đã vay bị hại và nếu trường hợp bị hại có bị xâm hại tính mạng thì bị cáo D1 cũng không thể chối bỏ khoản nợ đã vay bị hại; do đó, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D1 về “Tội cướp tài sản”.

[5] Đối với nội dung kháng cáo của bị hại yêu cầu giải quyết luôn phân trách nhiệm dân sự trong vụ án này, thấy rằng tại phiên toà sơ thẩm bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng cộng số tiền 803.000.000 đồng cho các khoản chi phí đi lại, điều trị, tiền mất thu nhập của bị hại và người chăm sóc, bồi thường tổn thất

tin thần, tiền nuôi dưỡng con nhỏ đến 18 tuổi. Xét, quá trình điều tra mặc dù bị hại đã được yêu cầu cung cấp hóa đơn, chứng từ để xem xét, nhưng đến phiên tòa sơ thẩm bị hại cũng không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ hợp pháp làm căn cứ xem xét giải quyết, trong khi các bị cáo cho rằng số tiền bị hại yêu cầu bồi thường là quá cao và không hợp lý; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu bồi thường của bị hại để giải quyết bằng vụ án khác là có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 131/2025/HSST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, cụ thể:

- Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 13 (mười ba) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Q1 13 (mười ba) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

- Áp dụng điểm m, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 13 (mười ba) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trương Trọng T5 12 (mười hai) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trần V 10 (M1) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2024.

- Áp dụng điểm m, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Quang A 09 (C1) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/2/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mạc Liên Đ1 18 (mười tám) tháng tù về “Tội che giấu tội phạm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/2/2025.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Bị hại;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

Đặng Kim Nhân